

TỦ SÁCH MỸ THUẬT PHỔ THÔNG

TRANH DÂN GIAN VIỆT NAM



NHA XUẤT BẢN MỸ THUẬT

TỦ SÁCH MỸ THUẬT PHỔ THÔNG
Chủ biên: Họa sĩ **LÊ THANH ĐỨC**

NGUYỄN BÁ VÂN

**TRANH DÂN GIAN
VIỆT NAM**

NHÀ XUẤT BẢN MỸ THUẬT

LỜI NHÀ XUẤT BẢN

Cùng với các từ sách chuyên khảo, kiến thức, lý luận phê bình, tác giả tác phẩm biên soạn công phu, minh họa phong phú dành cho giới nghiên cứu mỹ thuật, Nhà xuất bản Mỹ thuật luôn quan tâm đến các loại sách phổ cập, hướng vào bạn đọc rộng rãi; trước hết là giới trẻ, học sinh, sinh viên ham tìm hiểu cái đẹp; các giáo viên bộ môn Mỹ thuật ở các trường phổ thông bằng các từ sách Mỹ thuật đời sống, Mỹ thuật phổ thông .v.v...

Từ sách Mỹ thuật phổ thông do họa sĩ Lê Thanh Đức làm chủ biên đáp ứng được nhiều yêu cầu: Nội dung phong phú, cách diễn đạt sáng sủa; trình bày đẹp, minh họa có chọn lọc.

Đây là loại sách bổ ích, nhẹ nhàng, dễ đọc, dễ tiếp thu.

Nhà xuất bản Mỹ thuật xin giới thiệu từ sách Mỹ thuật phổ thông cùng bạn đọc. Và cũng rất mong nhận được sự đóng góp chân tình của bạn đọc để từ sách ngày càng phát triển hơn, chất lượng cao hơn.

NHÀ XUẤT BẢN MỸ THUẬT

TRANH DÂN GIAN VIỆT NAM

So với kiến trúc và điêu khắc, hội họa tôn giáo và cung đình Việt Nam không lưu lại được bao nhiêu tác phẩm. Ngoài một số tranh thờ và chân dung, thì di sản tranh truyền thống của ta chỉ còn lại những tờ tranh khắc gỗ vui mắt, giản dị và giàu ý tứ, gọi là *tranh dân gian*, trải hai thế kỷ đã phục vụ nhu cầu thẩm mỹ của đông đảo nhân dân, chứa đựng nhiều nét thông minh, tài hoa, và đậm sắc thái dân tộc.

Nói đến tranh dân gian Việt Nam, trước hết là nói đến *Tranh Tết*. Tranh này xuất hiện từ lâu đời, phần nào phỏng theo tinh thần tranh dân gian Trung Hoa xưa, song đã sớm hình thành một dáng vẻ riêng gắn liền với tập quán sinh hoạt văn hóa - nghệ thuật của nhân dân ta thời trước.

Buổi ban đầu, tranh được vẽ hoặc khắc in một màu đơn giản, mang tính chất tín ngưỡng huyền bí. Với quảng đại nhân dân mấy thế kỷ trước, đó là những lá bùa có sức mạnh ma thuật, trấn trừ ma quỷ, đem lại may mắn tốt lành cho mọi người, mọi nhà. Sau đó, nội dung và hình thức tranh dần dần biến đổi, mở rộng, không chỉ thỏa mãn nhu cầu tín ngưỡng và trang trí trong nhà, mà còn mang tinh thần giáo dục đạo đức, phản ánh những ước ao hạnh phúc đời thường, đáp ứng khát vọng thẩm mỹ chân thực, hồn nhiên mà tinh tế của người dân thuộc mọi tầng lớp.

Nhu cầu treo tranh Tết vào dịp đón xuân từng lên rất cao. Tranh vẽ tay từng tờ không đủ đáp ứng, thôi thúc các nghệ nhân vẽ tranh, khắc tranh sớm tập hợp thành những *phường thợ* chuyên sâu để khắc ván và in tranh hàng loạt ngày càng lớn, mà mỗi bản tranh in ra đều mang đầy đủ giá trị như nhau. Nhiều vùng trên đất nước ta, tới tận cố đô

nhà Nguyễn, đã từng phát đạt nhờ sản xuất tranh dân gian, có tiếng gần xa như Đông Hồ ở Kinh Bắc (Bắc Ninh), Kim Hoàng ở Hà Tây, Sinh ở Huế, và phường Hàng Trống ở kinh đô Thăng Long, tức Hà Nội ngày nay.

Ngoài dịp tết, rất nhiều gia đình Việt Nam xưa còn treo *tranh thờ* quanh năm. Tranh thờ, thuộc nhiều chủng loại, giữ một vị thế quan trọng trong một cộng đồng dân cư sùng tín và nhân hậu, luôn luôn hướng thiện. Bởi vậy các cơ sở làm tranh dân gian đều sản xuất cả tranh thờ thần, Phật, tiên thánh thuộc nhiều tín ngưỡng, chủ yếu theo đạo Phật, đạo Lão. Tranh thờ có mặt tại các đền điện, trang miếu, và dâng cúng giải hạn, thiêu hóa sau buổi hành lễ ...

Hai trung tâm sản xuất tranh dân gian quan trọng nhất thời trước, là Đông Hồ và Hàng Trống, nhờ tổ chức có quy mô và tập hợp được nhiều nghệ nhân tài hoa nên uy tín rộng khắp cả nước.

Làng Đông Hồ là một làng nhỏ ven sông Đuống, cách Hà Nội chừng 40km, nay thuộc xã Song Hồ, huyện Thuận Thành, Bắc Ninh. Xưa kia tục gọi là Đông Mai, hay làng Mái, thường nhắc tới trong câu ca dao quen thuộc:

*Hỡi cô thắt dải lưng xanh
Có về làng Mái với anh thì về
Làng Mái có lịch có lễ,
Có ao tắm mát, có nghề làm tranh ...*

Tranh Đông Hồ nổi tiếng từ thế kỷ 16, phát đạt liên tục nhiều đời. Mỗi vụ chuẩn bị đón Tết, tranh làng Hồ in ra hàng triệu bản, bán đi khắp nước. Tranh bán ngay trong làng, bán mua tại nhà. Đặc biệt tập nập là chợ tranh tập trung tại đình làng vào những ngày phiên trong tháng chạp âm lịch. Chợ tranh thật sự là hội tranh tưng bừng náo nhiệt, rực rỡ sắc màu : tranh treo la liệt trên dây, trên vách đình làng, trải kín trên chiếu khắp sân đình. Lái buôn tranh

khắp nước đổ về nườm nượp, trên bến dưới thuyền râm ran ồn ã, ai nấy hồ hởi. Họ chờ theo đến đây những mặt hàng đặc sản của các nơi để đổi tranh hoặc mua đi bán lại, “ăn” đầy thuyền tranh tản đi gần xa, vào tận các tỉnh phía Nam.

Nét đặc thù chính yếu của tranh Đông Hồ là *in nhiều màu*, mỗi màu một bản khắc riêng, và *in trên giấy điệp*.

Ván in gồm hai loại : ván in nét đen bằng gỗ *thị*, gỗ *mỡ* hay *lòng mực*, đặc điểm là đánh mặt, thớ dai và mịn, giữ nét khắc bền, ít gãy nứt. Ván in màu làm bằng gỗ *giổi* hay *vàng tâm*, chất gỗ nhẹ xốp, ăn màu và nhả màu no đậm. Nghệ nhân “cắt ván” không dùng dao khắc kiểu châu Âu, mà dùng bộ mũi đục bằng thép cứng, gọi là bộ *ve* gồm mấy chục chiếc đủ loại đủ cỡ. Ván in khắc tranh hoàn thành, được mỗi gia đình nghệ nhân bảo quản như vốn quý trong nhà, hong gác khô ráo, lâu ngày lên nước đánh cứng, không sợ mối mọt.

Giấy điệp là loại giấy dó dai bền, có phủ lớp bột trắng mịn óng ánh nghiền từ vỏ *điệp* (một loài hến biển), quấy với hồ nếp loãng, quét lên giấy bằng cái *thép* dẹt, rộng bản, kết bằng lá thông. Nhờ đó, tạo được những vệt dài trông như thớ giấy, với một vẻ đẹp rất đặc trưng. Nền điệp trắng nhiều khi còn được quét phủ một nước màu trong suốt : màu *hoa hiên* bằng nước gỗ *vang đỏ*, màu vàng chanh bằng nước *hòe*...

Mực in tranh được sản xuất thủ công tại chỗ từ nguyên vật liệu dễ kiếm, dễ chế biến như *than lá tre* (đen), *lá chàm* (xanh), *hoa hòe* hay *hạt dành dành* (vàng tươi), bột *son* tán mịn (đỏ tươi), gỗ *vang* (đỏ thắm) v.v... Mực trắng chế từ phấn vỏ điệp. Mỗi vị luyện với hồ nếp, quấy nhuyễn thật kỹ, gọi là *thuốc cái*, rất bền màu, chịu được dãi dầu không rã không trôi.

Nhiều bức tranh điệp Đông Hồ không những phù hợp với tâm hồn chất phác thuần hậu của người nông dân, mà về thẩm mỹ còn đạt những hiệu quả đặc sắc, được giới mỹ thuật trong nước và các nhà nghiên cứu nước ngoài đánh giá rất cao.

*

Thơ văn Việt Nam từ thời Lê-Mạc (tk15-16) đã nói đến cung cách ăn tết Nguyên đán của người dân chốn kinh kỳ, cùng với *"Thịt mỡ, dưa hành, câu đối đỏ - Cây nêu, tràng pháo, bánh chưng xanh"*, còn treo tranh Tết, từ cung vua đến hàng phố, khắp nơi dán lên cánh cửa đôi bức tranh "Gà" hay hai *Tướng canh cửa* trừ tà cầu may. Các gia đình nho sĩ khá giả, ngoài những hoành phi câu đối và bên ban thờ tổ tiên bày biện trang trọng, thường treo trên vách mấy tấm tranh trục khổ lớn như *Phú Quý, Tam Đa, Thất Đồng* (bảy em nhỏ hái đào) hoặc *Lý ngư vọng nguyệt* (Cá chép trông trăng). Gia đình nghèo, nhà cửa đơn sơ, không sắm được đồ thờ đất tiền, thường treo trên vách hậu ban thờ một tờ *tranh chủ* (hay *tranh hương chủ*) vẽ đủ lư hương, bình hoa, chân nến, đèn thờ v.v... để tượng trưng. Phần lớn các tranh như thế đều sản xuất tập trung tại phường Hàng Trống, vốn nổi tiếng về những sản phẩm thủ công như cờ quạt tàn lọng, trống đủ loại, đàn sáo, giày ủng hia hài và các mặt hàng thủ tinh xảo. Nghề nhân làm tranh kéo về đây lập xưởng càng tăng thêm uy tín ngành nghề cho phường sở tại.

Khác hẳn tranh Đông Hồ, tranh Hàng Trống thường in trên giấy khổ lớn, với nét đặc trưng là chỉ khắc in một bản nét đen, còn lại toàn bộ màu sắc đều tô bằng tay, ưa dùng phép vờn đậm nhạt của màu phẩm nước tươi tắn, bằng những nhấn bút lông mềm lượn theo đường viền in sẵn.

Các cơ sở làm tranh có tiếng ở đất “kẻ chợ” đều ghi xuất xứ, có khi kèm cả tên nghệ nhân, tạo uy tín với người mua.

Ván in tranh ở đây ghép khổ to và dầy dặn, khắc cả hai mặt bằng mũi chày, mũi đục, mũi tĩa tra cán và dao khắc bén ngọt, đảm bảo những đường nét thanh mảnh, tinh vi, mềm mại. Kỹ thuật in cũng khác biệt : trong khi bản in tranh Đông Hồ nhỏ và nhẹ, có “tay cò” để cầm phía lưng ấn xuống mặt giấy, thì ván in tranh Hàng Trống to nặng, phải đặt cẩn thận tờ giấy lên khuôn in đã chà mực, rồi xoa đều bằng xơ mướp khô lên mặt sau. Ván in tranh Hàng Trống cổ nhất hiện còn lưu giữ được, có khắc kèm cả niên đại “năm Minh Mạng thứ tư”, theo dương lịch là 1823, tức là đã gần 200 năm tuổi.

Với những tâm hồn chất phác đôn hậu, thuần khiết nơi thôn xóm Việt Nam, nhiều tờ tranh dân gian đã gắn bó sâu nặng đời này sang đời khác. Cuộc sống đạm bạc, bình dị sau lũy tre, bên đồng lúa được khắc họa qua những tờ tranh điệp Đông Hồ hồn nhiên như *tranh gà*, *tranh lợn*, ý nhị như *Hứng dừa*, *Đánh ghen*, *Đám cưới chuột*, *Thầy đồ Cóc* ..., hay tranh *Tứ tòn vạn đại* (con cháu muôn đời) v.v...

Ngoài các đề tài nội dung mang ý nghĩa chúc phúc đầu xuân, phản ánh sinh hoạt lao động nông nghiệp hay các tích truyện dân gian, kể cả huyền thoại, triết lý rút từ điển tích Trung Hoa (như *Bát Tiên Náo Hải*, *Lưỡng Nghi Tứ Tượng* ...), phường Hàng Trống từng giữ “độc quyền” về thể loại *tranh thờ* hết sức độc đáo và có giá trị nghệ thuật đáng tự hào. Chủ đề phong phú ở đây đi từ Phật giáo, Đạo giáo tới các thần linh trong tín ngưỡng “thờ Mẫu”, với Ngọc Hoàng, *Tứ Phủ*, thường gắn với tập tục *ngự đồng - hầu bóng*... Nhiều bức tranh thờ trang trọng, như hình tượng các *Mẫu Thoải*, *Mẫu Thượng Ngàn*, các ông Hoàng bà Chúa, hay loạt tranh *Ngũ Hổ*, xét về mặt sáng tạo, về bố

cực hình nét, sắc màu có lẽ còn vượt lên trên nhiều tranh quen thuộc, vốn đã nổi tiếng, (chẳng hạn như bộ *tứ bình* “Tổ nữ” hay *Lý ngư vọng nguyệt*)...

*

Cùng với tranh khắc gỗ của người Kinh ở đồng bằng, chúng ta còn có tranh của các dân tộc miền núi, hầu hết vẽ tay bằng màu bột trên giấy dó, màu sắc đường nét chân phương mang đậm vẻ u huyền trang trọng của mỹ cảm miền sơn cước. Tất cả đều hướng về nguyện cầu ấm no, yên vui, qua khỏi tật bệnh của dân bản làng (tranh miền núi sẽ giới thiệu trong một tập khác).

Từ thực tế cuộc sống tới cảm hứng nghệ thuật, nghệ nhân của ta vẽ tranh theo quan niệm rất đơn giản “Sống hơn giống”. Do vậy, cảnh vật và con người vẽ trong tranh tuy là những hình ảnh đời thường, nhưng khi thể hiện vào tranh đã được nghệ nhân đưa lên thành những hình tượng cô đọng thuần khiết, gây rung cảm cho người xem đậm đà, ý vị hơn là vẽ theo quy tắc, giống thực mà khô cứng. Nhiều khi, chính nét vẽ vụng về, chắt phác lại tạo cho tranh một chất hồn nhiên, đặc biệt sống động.

*

Tranh dân gian Việt Nam từng có tác dụng văn hóa thẩm mỹ trong nhân dân ta suốt mấy trăm năm, song nay đã hoàn tất sứ mệnh lịch sử trong bối cảnh kinh tế, xã hội đổi thay mạnh mẽ từ thành thị đến nông thôn. Tuy nhiên, giá trị thẩm mỹ tự thân của tranh dân gian không hề suy giảm, mà loại hình nghệ thuật này còn là di sản văn hóa quý giá được trân trọng lưu giữ trong các bảo tàng nghệ thuật trong và ngoài nước, trở thành một đối tượng nghiên cứu độc đáo, đặc sắc trong lịch sử mỹ thuật của các dân tộc.

NGUYỄN BÁ VÂN



1. Tranh Đông Hồ *Phú Quý*, tả một bé gái ôm con vịt - biểu tượng đức tính hiền dịu, phong lưu của nữ giới. Con vịt thường được vẽ kèm bông sen, tượng trưng cho sự thanh cao, tao nhã.

Bức này thuộc cặp tranh đôi, cùng với tranh *Vinh Hoa* tả một bé trai ôm con gà trống. Ngày Tết, cặp tranh dán đối nhau trên hai cánh cửa.



2. Tranh Đông Hồ Gà đàn, tả gà mẹ chăm đàn con nhỏ, nói lên tình mẫu tử, và tinh thần trách nhiệm với con cái (gà mẹ chuẩn bị mớm mồi cho con), và tình yêu thương đùm bọc (gà con âu yếm, yên tâm chơi trên lưng gà mẹ).



3. Tranh Đông Hồ *Lợn đàn*, biểu tượng của sự sung túc, no đủ. Trên mình lợn có vòng khoáy “âm dương” ngụ ý phát triển, sinh sôi nảy nở. Hình lợn thể hiện theo quan niệm cũ, nay đã lỗi thời, của kinh nghiệm chăn nuôi manh mún ở nông thôn Việt Nam ngày xưa : “mồm rộng - lưng dài - bụng bị - bốn khoáy đóng chuông” là bốn tiêu chuẩn của con lợn phàm ăn, chóng lớn.



4. Anh hùng dân tộc và những nhân vật có công với dân với nước cũng là chủ đề quan trọng trong nhiều loại tranh Đông Hồ, ngụ ý cổ vũ lòng yêu nước và tinh thần hy sinh vì đại nghĩa. Tranh vẽ hai chị em Trưng Trắc-Trưng Nhị ngồi trên bành voi phất cao cờ nghĩa.



5. Cùng loạt tranh trên, bức *Bà Triệu cưỡi đầu voi dữ* chỉ huy đánh giặc là một tờ tranh Đông Hồ rất phổ biến, đến tận mấy thập niên đầu thế kỷ 20.



6. Trẻ em Việt Nam thời trước, không em nào không biết bức tranh Đồng Hồ *Đám cưới chuột*. Lễ cưới là việc “đại hỷ”, nhưng để trót lọt, chuột phải “lễ” quan Mèo nào gà nào cá. Bức tranh “chống tham nhũng” này ra đời đã mấy trăm năm, mà đến nay vẫn đầy ý nghĩa.



7. *Hưng dừa* cũng là một tranh Đông Hồ nổi tiếng, đậm tính hài hước. Tranh in kèm hai câu thơ nôm phụ họa “*Khen ai khéo dựng nên dừa- Đẩy trèo đây hưng cho vừa lòng nhau*”. Chị nông dân trẻ hớ hênh tóc vẩy hứng hai quả dừa do một chàng trai trèo cây ném xuống. Sự dí dỏm nhiều nghĩa nói lên tình yêu tuổi trẻ tràn trề sức sống.



8. Bộ tranh đôi Ông Tơ - Bà Nguyệt ngày xưa rất được ưa chuộng, do người dân tin rằng "nên vợ nên chồng" là do thần linh xếp đặt sẵn theo mệnh trời. Ông Tơ cưỡi rồng và bà Nguyệt cưỡi phượng chính là đại diện ý trời, chủ trì việc se duyên cho thanh niên nam nữ.



9. Một trong các nguyên nhân tan vỡ hạnh phúc gia đình thời trước là thói tục *đa thê*, một chồng nhiều vợ. Tranh Đông Hồ *Đánh ghen* từng là một trong số tranh được hưởng ứng rộng rãi qua nhiều thế hệ. Và trong giới nữ ngày xưa, ai cũng thuộc hai câu tả máu ghen đàn bà : *Mãng non nấu với gà đồng - Thử chơi một trận, xem chồng về ai?*





- 10.13 Bộ tứ bình (bốn bức treo liền nhau) *Tổ Nữ* thuộc vào số tranh nổi tiếng nhất, và phổ biến rộng rãi nhất, của phường tranh hàng Trống. Trong tranh là những cô gái đẹp thùy mị, ăn mặc nền nã lối tỉnh thành : áo dài kín đáo, quần lĩnh hoa chanh, vấn khăn bỏ tóc đuôi gà, mỗi cô chơi một nhạc cụ (kể cả chiếc quạt), biểu tượng văn hóa tao nhã. Hình nét, màu sắc đều mang phẩm chất đặc biệt.

(Bộ *Tổ Nữ* in trên đây đã qua cải biên của Viện Mỹ Thuật, rút từ một bộ lịch mới).



14. *Lý ngư vọng nguyệt* (Cá chép trông trăng) cũng được treo rộng rãi trong các nội thất giàu tính văn hóa ở Việt Nam thời trước. Dựa theo điển tích Trung Hoa "cá vượt Vũ Môn hóa rồng", bức tranh ngụ ý phấn đấu học tập, tu chí để vượt khó, nên người, thành đạt trong chí lớn, phần nào phản ánh nhân cách văn hóa của người treo tranh.



15. Một bức *Tranh Chũ* do phường Hàng Trống sản xuất, nay còn lưu giữ được (xem giải minh trong bài).



16. Tranh thờ của phường Hàng Trống xưa hầu hết đều đạt phẩm chất nghệ thuật cao nhất. Nếu tranh Đông Hồ là trực cảm hồn nhiên, thì tranh thờ Hàng Trống là tư duy sâu lắng, cảm nhận tâm linh. Tranh vẽ giàu chất trí tuệ, song không vì thế mà kém mỹ cảm. Được cách điệu với tính trang trí cao, loạt tranh này chứng tỏ con mắt và tay nghề vững vàng của các tác giả khuyết danh.

Trên đây là tranh thờ Đức Mẫu Thượng Ngàn, nữ thần linh của rừng núi, mặc áo gấm xanh và chít khăn xanh. Dưới chân Ngài, súc vật muôn loài, đến cả voi, ngựa cũng nhỏ xíu, biểu thị lòng quy phục.



17. Bức Ông Hoàng cưỡi "Lốt", trích từ loạt tranh thờ Hàng Trống vẽ các ông Hoàng bà Chúa trong tín ngưỡng thờ Mẫu. "Lốt" là vật linh có dạng con rắn lớn ba đầu, chín đuôi, trườn đi trên mặt nước.



18. Tranh *Ngũ Hổ* nổi tiếng bậc nhất, từng có mặt khắp các đền miếu, am thờ cả nước trải hàng thế kỷ. Năm sắc lông Hổ tượng trưng cho 5 phương trời đất, 5 chất và 5 tiết mùa :

Thanh Hổ (xanh) tượng trưng phương Đông , hành Mộc, thời Xuân
Xích Hổ (đỏ) tượng trưng phương Nam, hành Hỏa thời, Hạ
Bạch Hổ (trắng) tượng trưng Phương Tây, hành Kim thời, Thu
Hắc Hổ (đen) tượng trưng Phương Bắc, hành Thủy, thời Đông
Hoàng Hổ (vàng) tượng trưng Phương Trung Cự và Hành Thổ.

Chịu trách nhiệm xuất bản :
Giám đốc TRƯƠNG HẠNH

Chủ biên : LÊ THANH ĐỨC
Biên tập : THANH PHONG
Sưu tầm minh họa : LÊ THANH ĐỨC

TRANH DÂN GIAN VIỆT NAM

In 2.000 cuốn, khổ 13x19 cm. Tại Công ty In Công Đoàn Việt Nam
169 Tây Sơn, Đống Đa, Hà Nội. Số giấy phép 411/XB - QLXB cấp
ngày 29-3-2001. In xong và nộp lưu chiểu tháng 10 năm 2001.